

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Phòng Kinh tế

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 07/7/2021; Quyết định số 4217/QĐ-UBND ngày 14/07/2021; Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 17/7/2021; Quyết định 4745/QĐ-UBND ngày 24/7/2021; Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 05/8/2021; Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 13/8/2021; Quyết định 5994/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021 và Quyết định 5788/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021 của Phòng Kinh tế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Duyên
Nguyễn Thị Duyên

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: PHÒNG KINH TẾ

Chương: 620



DỰ TOÁN BỔ SUNG THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 64/QĐ-PKT ngày 23/09/2021 của Phòng Kinh tế.)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.317.185.200
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.317.185.200
1	Chi quản lý hành chính	(1.111.440.000)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(1.111.440.000)
	<i>Kinh phí phân mềm QLVB</i>	(1.162.440.000)
	<i>Kinh phí kiểm tra phân loại cơ sở theo TT 38/2018</i>	39.000.000
	<i>Trợ cấp tết theo Quyết định 104/QĐ-UBND ngày 08/01/2021</i>	12.000.000
2	Chi hoạt động kinh tế	23.428.625.200
2.1	Sự nghiệp Y tế	23.204.810.200
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm, vật dụng cần thiết và hỗ trợ tiền ăn cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại khu cách ly tập trung KTX Trường Cao đẳng nghề số 8</i>	261.110.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại khu cách ly tập trung Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai</i>	373.616.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và người thực hiện nhiệm vụ; vật dụng thiết yếu tại khu cách ly tập trung Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai mở rộng</i>	403.917.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly y tế tập trung Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai (cơ sở 2), phường Hồ Nai</i>	323.277.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly y tế tập trung Trung đoàn Ra đa 251, vùng 2 Hải quân, phường An Bình</i>	323.277.000

	Kinh phí mua vật dụng thiết yếu phục vụ cho cơ sở cách ly tập trung Trường Cao đẳng nghề số 8	30.000.00
	Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh cơ sở 2	566.128.00
	Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly Bệnh viện phục hồi chức năng II	267.220.00
	Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly y tế tập trung Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn	250.492.40
	Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly y tế tập trung Trường THPT Chu Văn An, Phường Hóa An	480.802.40
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	486.080.00
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trường Cao đẳng Nghề số 8	280.000.00
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trung đoàn Ra đa 251	259.840.00
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai (cơ sở 2)	259.840.00
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai mở rộng	259.840.00
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP HCM (cơ sở 2)	483.840.00
	Kinh phí mua vật dụng thiết yếu tại cơ sở cách ly tập trung Bệnh viện phục hồi chức năng II, phường Long Bình Tân (lần 2)	19.500.000
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại khu cách ly y tế tập trung Bệnh viện phục hồi chức năng II, phường Long Bình Tân (lần 2)	259.840.00
	Điều chỉnh điểm I Văn bản số 9320/UBND-KTNS ngày 10/7/2021 của UBND thành phố Biên Hòa (bổ sung kinh phí để trang bị vật dụng thiết yếu phục vụ cho người cách ly tại khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)	100.600.000

	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly; mua vật dụng thiết yếu tại khu cách ly Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh cơ sở 2</i>	83.110.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm cho người bị cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ; vật dụng thiết yếu tại khu cách ly y tế tập trung Trường Tiểu học Tân Bửu, phường Bửu Long</i>	194.052.400
	<i>Bổ sung Kinh phí để trang bị vật dụng thiết yếu phục vụ cho người cách ly tại khu cách ly Trường Cao đẳng nghề số 8</i>	53.550.000
	<i>Kinh phí mua nhu yếu phẩm, vật dụng thiết yếu và cung cấp suất ăn cho người cách ly và lực lượng thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở cách ly y tế tập trung phòng, chống dịch Covid - 19 của thành phố</i>	16.737.248.000
2.2	Sự nghiệp lâm nghiệp	223.815.000
	<i>Kinh phí quản lý, bảo vệ rừng năm 2021 và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2020-2021</i>	223.815.000
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	